TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2021
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Võ Thị Diệu Thảo
2. Ông Cao Nho Trí

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2021/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 02 năm 2021, về: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ D, sinh năm: 1992
Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn Q, sinh năm: 1993
Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D trình bày: Chị và anh Nguyễn Tấn Q tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2020, cấp ngày 22/5/2020. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q cờ bạc nợ nần, không lo tu chí làm ăn, không quan tâm gia đình, vợ con, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, hiện nay

vợ chồng đã ly thân mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Phương A, sinh ngày 17/6/2020. Chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 29/4/2021 và ngày 21/6/2021, bị đơn anh Nguyễn Tấn Q trình bày:

Về quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân đúng như chị D trình bày, trong quá trình chung sống thì vợ chồng bất đồng quan điểm nhiều mặt, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân giữa chúng tôi không hạnh phúc, tình cảm không còn và hiện nay không còn chung sống với nhau. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý. Anh đồng ý giao con chung cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Lê Thị Mỹ D có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Tấn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.2] Chị Lê Thị Mỹ D yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Tấn Q. Yêu cầu của chị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị D và anh Q tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2020, cấp ngày 22/5/2020. Do đó, hôn nhân giữa chị D và anh Q là hôn nhân

hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng về sau thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc thiếu trách nhiệm vun đắp gia đình, vợ chồng xác định không còn hạnh phúc và hiện nay không còn chung sống với nhau. Chị D xác định tình cảm hiện nay với anh Q không còn nữa nên yêu cầu được ly hôn. Anh Q khẳng định không còn tình cảm và mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn chị D.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị D yêu cầu được ly hôn anh Q là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị D yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Lê Phương A, sinh ngày 17/6/2020, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hiện nay con chung chưa thành niên nên cần sự quan tâm, chăm sóc chu đáo của người mẹ, mặt khác anh Q đồng ý để chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị D yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Lê Phương A và anh Q tạm thời không cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở và phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Vì lợi ích của con, chị D và anh Q hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Mỹ D và anh Nguyễn Tấn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ D được ly hôn anh Nguyễn Tấn Q.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Lê Phương A, sinh ngày 17/6/2020. Anh Nguyễn Tấn Q tạm thời không cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, chị Lê Thị Mỹ D và anh Nguyễn Tấn Q hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung*: Chị Lê Thị Mỹ D và anh Nguyễn Tấn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ D nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về "ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0001143 ngày 04/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị Lê Thị Mỹ D đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Mỹ D và anh Nguyễn Tấn Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Huy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND xã T, huyện K
- Lưu hồ sơ, án văn.